

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Duy Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tuấn Kiệt

2. Bà Khru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Danh Lê Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thanh T** (tên gọi khác: K), sinh năm 1987 tại B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: số 97A, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: không biết chữ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn K, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Cao Thị V, sinh năm 1957; Anh, em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1993; có vợ tên Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1989 và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

- Ngày 29/7/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng số 5 tại xã Long Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, thời hạn 24 tháng về hành vi “Nhiều lần trộm cắp tài sản”, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính.

- Ngày 24/6/2007, Công an thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B ra Quyết định xử phạt 200.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính.

- Ngày 26/8/2008, bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố C tuyên phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã xóa án tích.

- Ngày 23/6/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tuyên phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã xóa án tích.

Bị khởi tố bị can ngày 08/11/2017, tạm giữ ngày 25/01/2018, đến ngày 28/01/2018 bị tạm giam đến nay. (có mặt)

- Bị hại: ông **Trần T**, sinh năm 1969.

Trú tại: Số 018A, Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 12/8/2017, ông Trần T, ngụ số 018A, Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh B thức dậy thấy vách nhà bằng thiếc ở bên hông nhà trước bị tháo gỡ, kiểm tra tài sản trong nhà ông T phát hiện bị mất trộm 01 ti vi nhãn hiệu LG, 42in, màu đen có viền trắng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 nên trình báo Công an. Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm của ông T, Cơ quan cảnh sát điều tra cùng Đội kỹ thuật hình sự Công an thành phố B tiến hành khám hiện trường phát hiện hai dấu vết đường vân trên kính tủ gỗ để ti vi khu vực nhà trước nên tiến hành thu giữ theo quy định.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T không thừa nhận mình là người thực hiện hành vi lấy trộm các tài sản trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 132/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: 01 ti vi nhãn hiệu LG, 42in, màu đen có viền trắng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime G532 Gold có tổng giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.751.200 đồng.

Tại kết luận giám định số 428/GĐ-2017 ngày 06/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B xác định:

“Dấu vết đường vân số 1, ký hiệu A1 thu trên kính tủ gỗ ở khu vực nhà trước tại hiện trường vụ: “Trộm cắp tài sản”, xảy ra ngày 12/8/2017, tại Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh B với điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải trên danh chỉ bản mang tên: Lê Thanh T, sinh năm 1987, ký hiệu M là dấu vân tay do cùng một ngón in ra.

Dấu vết đường vân số 2, ký hiệu A2 thu trên kính tủ gỗ ở khu vực nhà trước tại hiện trường vụ: “Trộm cắp tài sản”, xảy ra ngày 12/8/2017, tại Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh B với điểm chỉ vân tay ngón giữa phải trên chỉ bản mang tên: Lê Thanh T, sinh năm 1987, ký hiệu M là dấu vân tay do cùng một ngón in ra.”

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần T số tiền 4.751.200 đồng.

+ Về án phí: buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần T xác định gia đình ông không ai quen biết với bị cáo T, ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này thì bị cáo T chưa từng đến nhà ông T. Nay ông T yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.751.200 đồng, về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo T xác định từ trước đến nay không quen biết ai trong gia đình ông Trần T và chưa từng đến nhà ông T, bị cáo không giải thích được tại sao lại có dấu vân tay của mình trên kính tủ gỗ tại nhà ông T và xác định mình không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông T và không đồng ý bồi thường số tiền 4.751.200 đồng cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong ngày 12/8/2017, bị cáo Lê Thanh T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Trần T tại Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh B. Vì vậy, hành vi của bị cáo T đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là phù hợp. Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T không thừa nhận đã đột nhập vào nhà ông Trần T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 12/8/2017, cũng không quen biết ai trong gia đình ông T và chưa từng đến nhà ông T lần nào. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 09 giờ ngày 12/8/2017 (bút lục 89) thể hiện tại hiện trường cơ quan điều tra đã thu giữ 02 dấu vết đường vân trên kính tủ gỗ đặt ti vi bị mất (ký hiệu số 1 và số 2). Tại kết luận giám định số 428/GĐ-2017 ngày 06/11/2017 (bút lục 33) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B xác định 02 dấu vết đường vân thu tại hiện trường nêu trên so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải và ngón giữa phải trên danh chỉ bản mang tên Lê Thanh T, sinh năm 1987 là do cùng một ngón in ra. Như vậy, tuy bị cáo T không thừa nhận nhưng có căn cứ khoa học xác định vào khoảng 04 giờ, ngày 12/8/2017, tại Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh B, bị cáo Lê Thanh T là người thực hiện hành vi lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu LG, 42in, màu đen có viền trắng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung

Galaxy J2 của ông Trần T, với tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.751.200 đồng.

Việc bị cáo khai chưa từng đến nhà ông T và mình không phải là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông T ngày 12/8/2017 là do bị cáo nại ra những vấn đề không đúng sự thật đã được chứng minh trong quá trình điều tra nhằm quanh co, chối tội và đây cũng là lời khai duy nhất của bị cáo, không có chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa.

Xét thấy: Bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vì mục đích vụ lợi. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông T, bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo T có nhiều tiền án, tiền sự, mặc dù đã được xóa án tích, nhưng đáng lẽ sau khi chấp hành án xong phải sửa chữa lỗi lầm và tìm việc làm ổn định, chính đáng để tạo ra thu nhập chăm lo cho gia đình, bản thân mà lại không đi tìm việc làm, để có tiền thỏa mãn nhu cầu bất chính của bản thân, bị cáo đã xem thường pháp luật tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Có căn cứ xác định bị cáo T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Trần T nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T. Ông T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 01 chiếc ti vi và 01 chiếc điện thoại di động bị chiếm đoạt theo giá mà Hội đồng định giá xác định với tổng số tiền là 4.751.200 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T (tên gọi khác: Kía) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ 25/01/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần T số tiền 4.751.200 đồng (bốn triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án (THA) dân sự có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lê Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai, báo cho bị cáo và người bị hại biết biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/5/2018.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Nhà tạm giữ Tp. B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Khánh